TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024

Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà;

2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; Đang chấp hành án phạt tù tại: Đ, phân trại 2, Trại giam C1, địa chỉ: ấp D, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2024, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị Thu L trình bày và yêu cầu: Bà và ông Lê Quốc V cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 07-8-2007. C sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và quản lý kinh tế, thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông V đã ly thân từ năm 2021 khi ông V đi chấp hành án.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc V;

Về nuôi con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Lê Trần Quốc D, sinh ngày 30-3-2011 (đang sống chung với bà); Không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24-4-2024, bị đơn ông Lê Quốc V trình bày thống nhất trình bày của bà Trần Thị Thu L về ngày tháng điều kiện kết hôn, con chung và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về mâu thuẫn không có, do ông đi chấp hành án nên phải ly thân.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Thu L.

Về con chung: Ông thống nhất việc bà L trực tiếp nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo; Người tham gia tố tụng chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị ghi nhận sự thống nhất của đương sự để chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Lê Quốc V đang chấp hành án không thể tham gia hòa giải.

- Ngày 24-4-2024, ông Lê Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 03-5-2024, bà Trần Thị Thu L có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Thu L khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Lê Quốc V; Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà L, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà L và ông V chung sống có đăng ký kết hôn ngày 07-8-2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà L và ông V: Bà L cho rằng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ly thân từ năm 2021; ông V cho rằng mâu thuẫn từ năm 2021 do ông phải đi chấp hành án. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà L và ông V không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà L và ông V mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà L và ông V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ và việc ông V tự khai đồng ý ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Xét về nuôi con chung:

[5.1] Xét con chung tên Lê Trần Quốc D, sinh ngày 30-3-2011 (đang sống chung với bà L), nguyện vọng muốn sống chung với bà L; Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và ông V đồng ý là tự nguyện nên ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[5.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.3] Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông V được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà L và ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà L và ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ;

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Thu L và ông Lê Quốc V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự: Bà Trần Thị Thu L được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Trần Quốc D, sinh ngày 30-3-2011 (đang sống chung với bà L); Ông Lê Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà L và ông V được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0004381 ngày 28-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ), bà L đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Vương